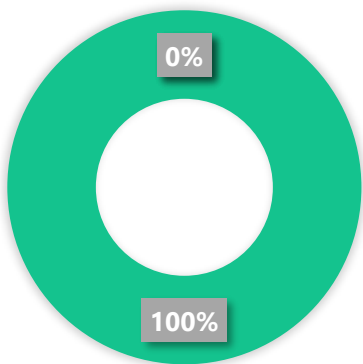


Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,500
SL cổ phiếu LH	5,612,444
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,065
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	67
P/E	13.7
EPS	866

	YTD	1T	3T	6T
HMR	4.4%	0.0%	3.5%	-16.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

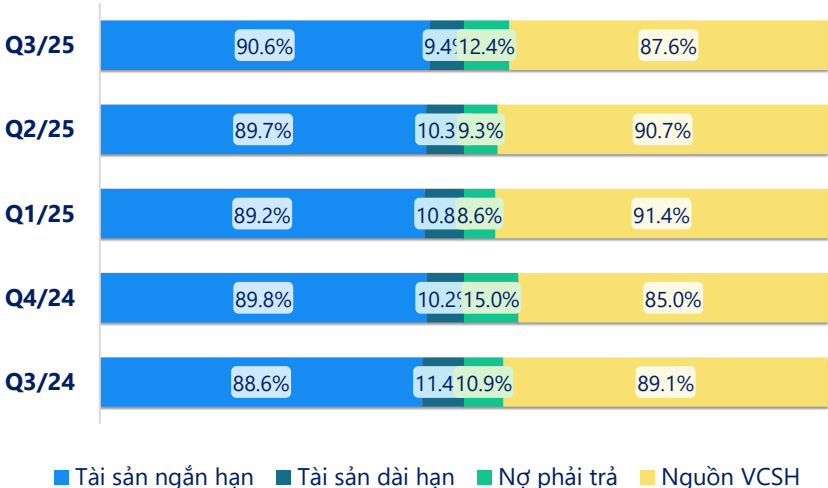
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

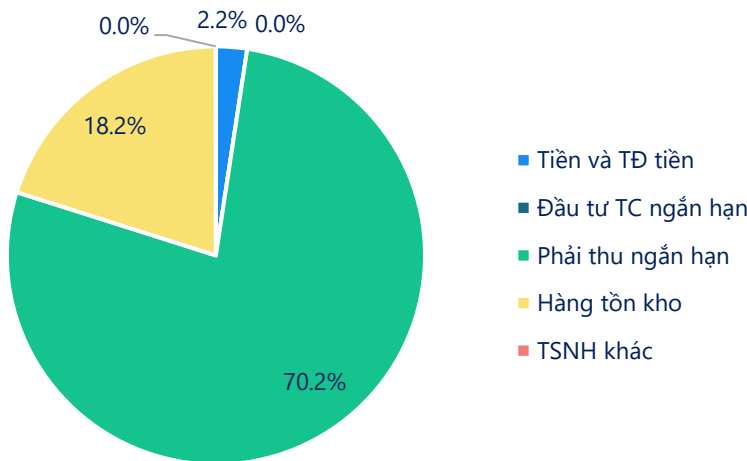
Cơ cấu Tổng tài sản



- Tài sản ngắn hạn
- Tài sản dài hạn
- Nợ phải trả
- Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

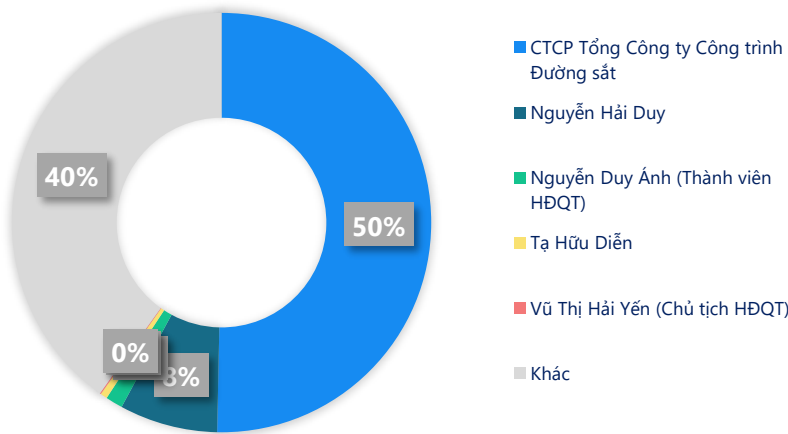
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

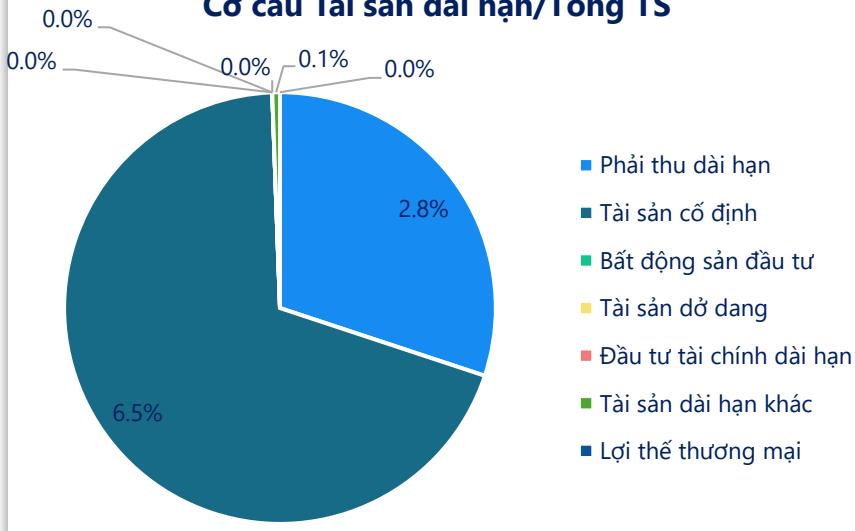
Cơ cấu cổ đông



- CTCP Tổng Công ty Công trình Đường sắt
- Nguyễn Hải Duy
- Nguyễn Duy Ánh (Thành viên HĐQT)
- Tạ Hữu Diễn
- Vũ Thị Hải Yến (Chủ tịch HĐQT)
- Khác

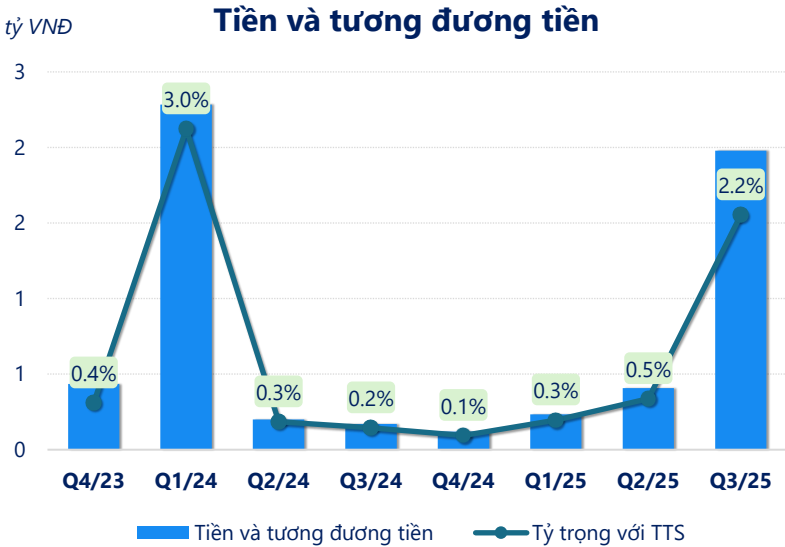
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

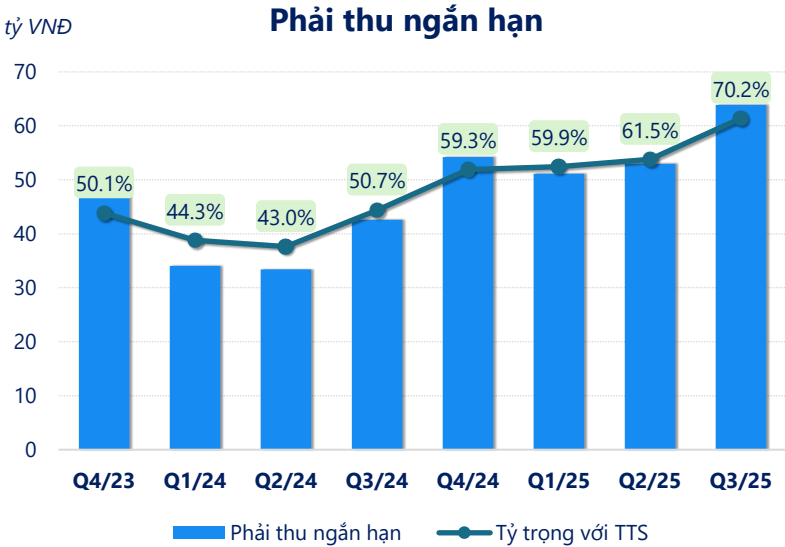


Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)



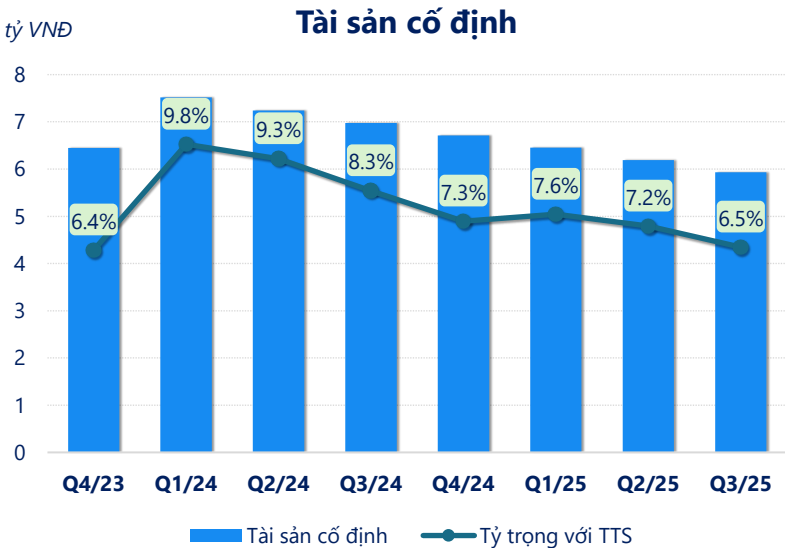
(Nguồn: fireant.vn)



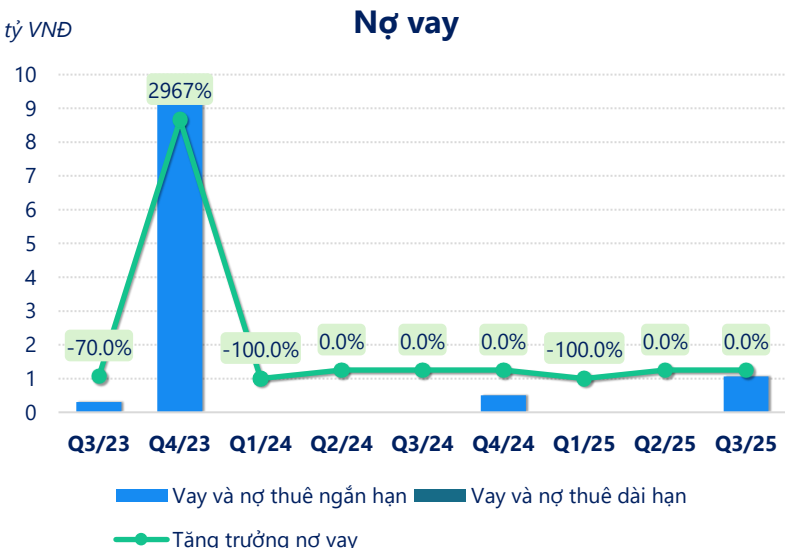
(Nguồn: fireant.vn)



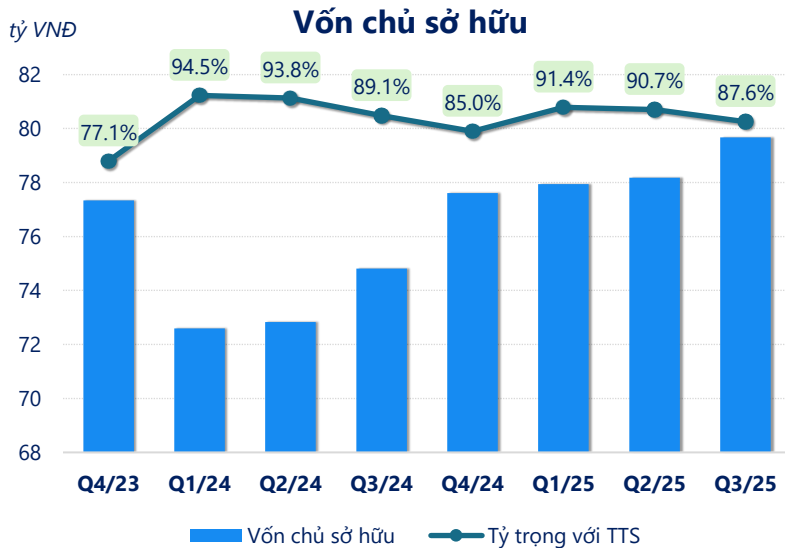
(Nguồn: fireant.vn)



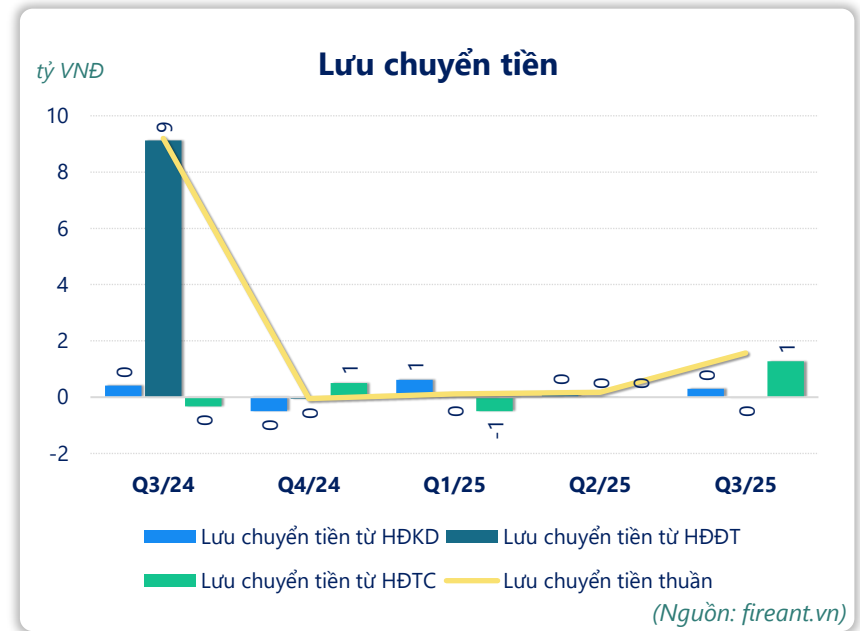
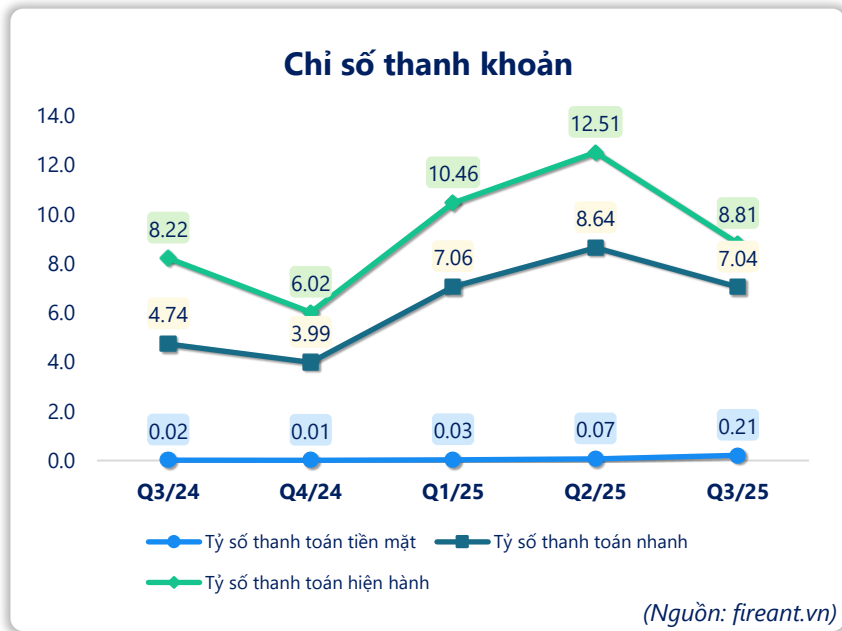
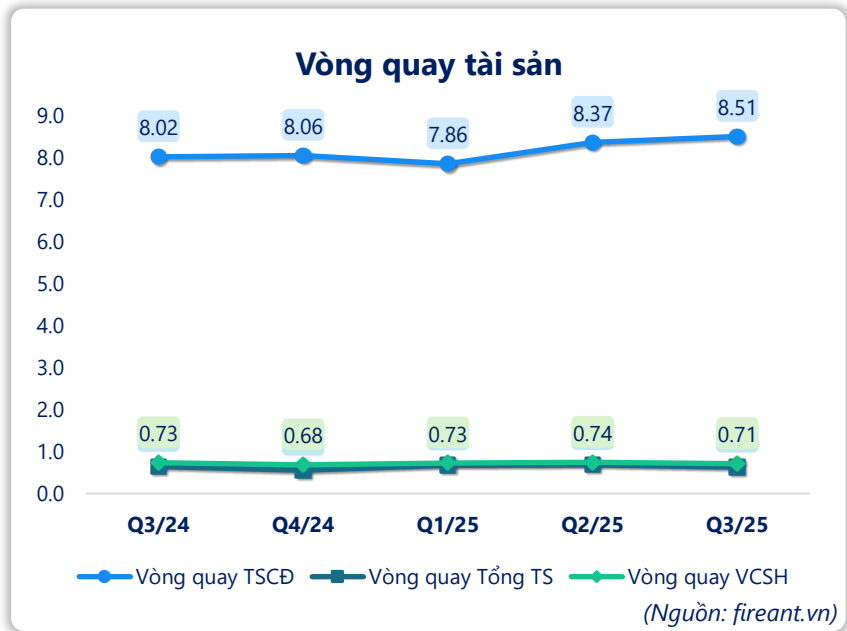
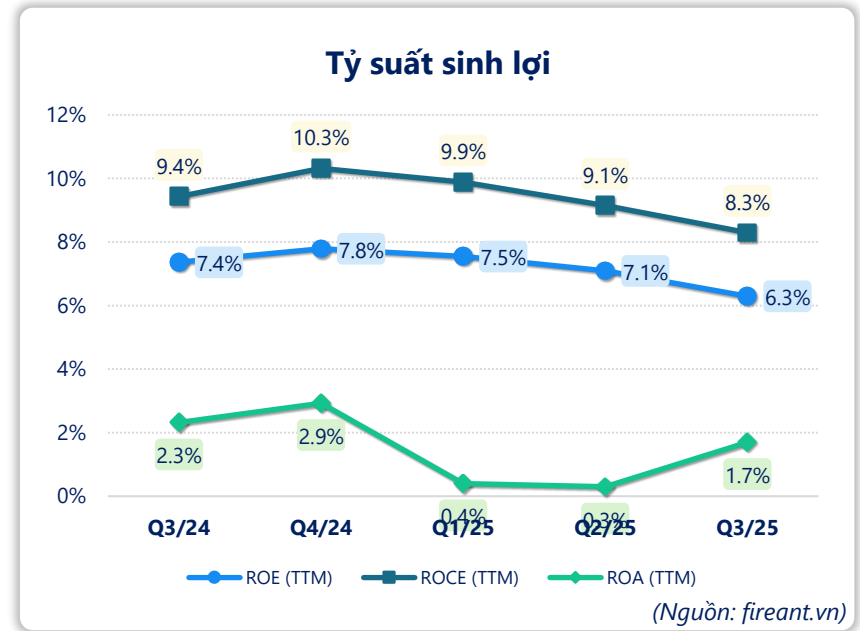
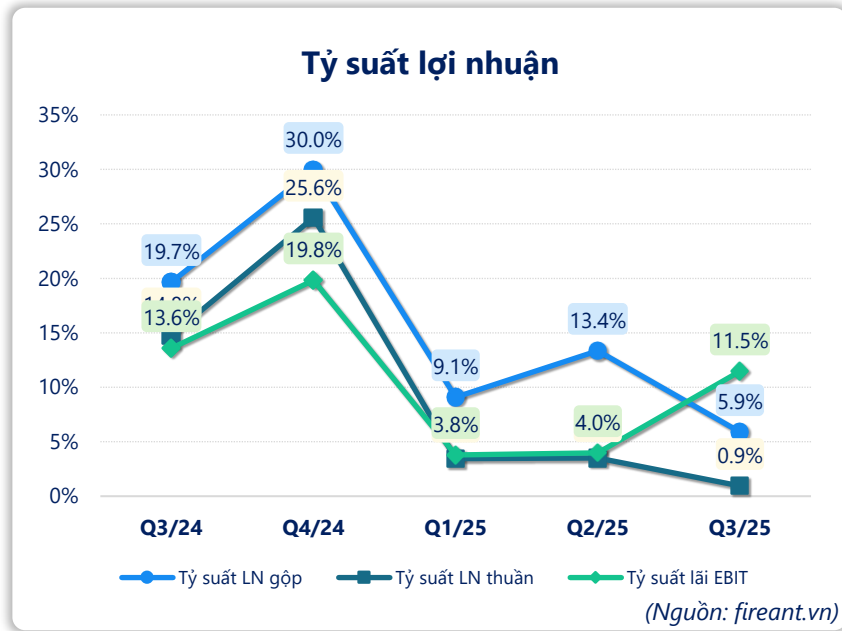
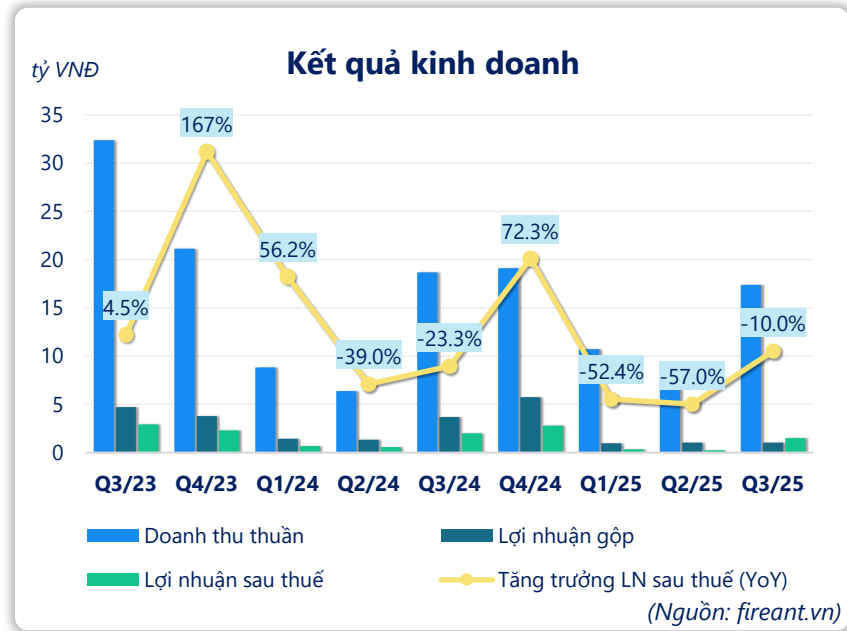
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	91.0	91.3	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	82.4	82.0	0.5%
Tiền và tương đương tiền	1.98	0.12	1547%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	63.9	54.2	17.9%
Hàng tồn kho	16.6	27.7	-40.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.00	120%
Tài sản dài hạn	8.56	9.29	-7.9%
Phải thu dài hạn	2.57	2.38	8.1%
Tài sản cố định	5.93	6.71	-11.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.05	0.20	-75.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	11.3	13.7	-17.4%
Nợ ngắn hạn	9.36	12.3	-23.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.06	0.50	112%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.74	3.15	-76.4%
Nợ dài hạn	1.97	1.45	35.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	79.7	77.6	2.6%
Vốn chủ sở hữu	79.7	77.6	2.6%
Vốn điều lệ	56.1	56.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	18.7	19.1	10.7	7.71	17.4
Giá vốn hàng bán	15.0	13.4	9.73	6.68	16.4
Lợi nhuận gộp	3.67	5.73	0.97	1.03	1.02
Doanh thu HĐTC	0.00	0.05	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0	0	0	0	0.00
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0.00
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.91	0.89	0.60	0.76	0.86
LN thuần từ HĐKD	2.76	4.89	0.37	0.27	0.16
Lợi nhuận khác	-0.22	-1.10	0.04	0.04	1.83
LN trước thuế	2.54	3.79	0.41	0.31	1.99
Lợi nhuận sau thuế	1.98	2.80	0.32	0.24	1.49
LNST của CĐ cty mẹ	1.98	2.80	0.32	0.24	1.49

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.41	-0.50	0.62	0.17	0.30
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.12	-0.05	0.00	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.33	0.50	-0.50	0	1.28
Tiền đầu kỳ	0.20	0.17	0.12	0.23	0.41
Lưu chuyển tiền thuần	9.20	-0.05	0.11	0.17	1.57
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.17	0.12	0.23	0.41	1.98

(Nguồn: fireant.vn)